

Bản án số: 54/2018/HS-ST

Ngày 26-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hồng và ông Mai Văn Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HS, ngày 14-11-2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh ngày 04-9-1999 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Thôn 1, xã Đăk H, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Trần Kim T; nhân thân: Ngày 11-5-2016 phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 45/2016/HSST ngày 25-11-2016, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xử phạt 06 tháng tù, chấp hành án xong hình phạt tù ngày 27-5-2017 (được coi là không có án tích do bị cáo dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng); bị bắt tạm giam ngày 13-9-2018 đến ngày 31-10-2018 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh Vũ Thiên T; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đăk Nông; có mặt.

+ Bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Vũ Thị Nguyệt N; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 10-3-2018, Vũ Thiên T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48B1 - 418.15, chủ sở hữu xe là bà Vũ Thị T là mẹ của T, chở Trần Văn T và Phạm Văn Đ đi từ nhà T đến quán internet Đ ở thôn 8, xã Đ, huyện Đ, để chơi game. Chơi được khoảng 10 phút, Phạm Văn Đ hỏi mượn xe mô tô của Vũ Thiên T đi lấy tiền mua thẻ cào thì T đồng ý.

Trên đường đi, Phạm Văn Đ gặp một người bạn tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) và vay được số tiền 16.000 đồng. Lúc này Phạm Văn Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của Vũ Thiên T nên không quay lại quán internet mà điều khiển xe đến thị xã G, tỉnh Đắk Nông. Tại đây thông qua một người bạn tên V (không rõ nhân thân, lai lịch), Phạm Văn Đ cầm cố chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Văn D được số tiền 13.000.000 đồng. Khi cầm cố, Phạm Văn Đ lấy tên là Vũ Thiên T và đưa cho anh Nguyễn Văn D 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Đơn xin xác nhận xe mất biển kiểm soát có xác nhận của Công an xã Đ (lấy ở trong cốp xe mô tô). Do anh Nguyễn Văn D quen với chị Vũ Thị T và nghĩ Phạm Văn Đ là Vũ Thiên T nên đồng ý nhận cầm cố xe và hai bên viết giấy mượn tiền với số tiền là 13.000.000 đồng. Sau đó Phạm Văn Đ bỏ trốn.

Đối với tiền cầm cố xe, Phạm Văn Đ cho V số tiền 500.000 đồng và cho V vay số tiền 3.000.000 đồng; số tiền còn lại Phạm Văn Đ mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Masster TAB7, 01 micrô và tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy Phạm Văn Đ quay lại lấy chiếc xe đã cầm cố nên anh Nguyễn Văn D đã gọi điện cho chị Vũ Thị T. Sau đó chị Vũ Thị T có đơn tố cáo Phạm Văn Đ gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 16-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh-đỏ-đen, số khung: 2606GY212349, số máy: KC26B1030681 có giá trị còn lại là 42.265.440 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh-đỏ-đen, số khung 2606GY212349, số máy KC26B1030681; 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10-3-2018; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Đơn xin xác nhận xe mô tô mất biển kiểm soát có xác nhận của Công an xã Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Masster TAB7, màu vàng nhạt.

Đối với 01 micro do Phạm Văn Đ đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong không thu giữ được. Đối với số tiền 3.500.000 đồng Phạm Văn Đ đưa cho V, do không biết nhân thân lai lịch của V nên không thu giữ được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh - đỏ - đen, số khung 2606GY212349, số máy KC26B1030681, xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ nên ngày 28-8-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 23 trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vũ Thiên T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T không yêu cầu Phạm Văn Đ bồi thường thiệt hại. Phạm Văn Đ đã tác động gia đình trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 3.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn D tiếp tục yêu cầu Phạm Văn Đ trả số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/CTr-VKS, ngày 13-11-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố Phạm Văn Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 23, ngày 28-8-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là bà Vũ Thị T; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động và 01 máy tính bảng; đối với 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10-3-2018, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị

T (bản phô tô chứng thực), 01 Đơn xin xác nhận tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án. Về trách nhiệm dân sự: buộc Phạm Văn Đ tiếp tục trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 09 giờ 15 phút ngày 10-3-2018, tại thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, Phạm Văn Đ đã mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu xanh - đỏ - đen, số khung 2606GY212349, số máy KC26B1030681, có giá trị còn lại là 42.265.440 đồng của Vũ Thiên T để đi công việc, sau đó Phạm Văn Đ không trả lại xe cho Vũ Thiên T mà mang xe đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn D để lấy số tiền 13.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cụ thể: Tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền 3.000.000 đồng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 11-5-2016, Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 45/2016/HSST ngày 25-11-2016, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù, bị cáo chấp hành án xong hình phạt tù ngày 27-5-2017 nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội nên cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Đối với anh Nguyễn Văn D khi cầm cố chiếc xe mô tô không biết đây là tài sản do Phạm Văn Đ phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong không xử lý về hình sự là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 23, ngày 28-8-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong và tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động, 01 máy tính bảng. Đối với 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10-3-2018, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Đơn xin xác nhận tiếp tục lưu hồ sơ để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Thiên T và bà Vũ Thị T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả lại 10.000.000 đồng là có căn cứ nên buộc Phạm Văn Đ trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 582, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Đối với số tiền 3.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên lai số 0000403, ngày 08-11-2018, anh Nguyễn Văn D liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13-9-2018 đến ngày 31-10-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 582, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải trả 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn D. Đối với số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000403 ngày 08-11-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, anh Nguyễn Văn D liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 23, ngày 28-8-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glông; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động và 01 máy tính bảng. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 14-11-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glông. Đối với 01 Giấy mượn tiền đề ngày 10-3-2018, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị T (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Sổ hộ khẩu mang tên Vũ Thị T (bản phô tô chứng thực), 01 Đơn xin xác nhận xe mô tô mất Biển kiểm soát tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

4. Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với

phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận HSNV CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Đ (để biết);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh